TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HSST
Ngày 24 - 01 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị A.

Ông Phạm Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/Nguyễn Thị Kim C; sinh năm: 1972 tại Sài Gòn; nơi thường trú: đường S, Phường B, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không (người bị khuyết tật nhìn do hỏng 01 mắt bên trái); trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B (chết) và bà: Trần Thị N; có chồng: / và 01 con sinh năm 1993; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị bắt giữ ngày: 18/9/2018; tạm giữ ngày: 19/9/2018; tạm giam ngày: 27/9/2018.

2/Trần Thị Thu N; sinh năm: 1974 tại Sài Gòn; nơi đăng ký HKTT: đường N, Phường R, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: 205 Cao ốc B, chung cư Ngô Gia Tự, Phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn G và bà: Lê Thị M; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 02/01/2008 bị Tòa án nhân dân Quận

10 xử phạt 9 tháng tù về tội "đánh bạc" theo Bản án số 01/2008/HSST, ngày 06/01/2008 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 1 năm tù về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 06/2008/HSST; bị bắt giữ ngày: 18/9/2018; bị tạm giữ ngày: 19/9/2018; tạm giam ngày: 27/9/2018 đến ngày 23/11/2018 được tại ngoại.

3/Nguyễn Thị Thu C1; sinh năm: 1972 tại Sài Gòn; nơi đăng ký HKTT: đường T, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: Lô A, chung cư C, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn O (chết) và bà: Đỗ Thị H (chết); có chồng: Lục Huy H và 02 con (lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2002); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị bắt giữ ngày: 18/9/2018; tạm giữ ngày: 19/9/2018 đến ngày 28/9/2018 được tại ngoại.

4/Nguyễn Minh T; sinh năm: 1978 tại Long An; nơi đăng ký HKTT: Khu phố I, Phường I, thị xã K, tỉnh Long An; nơi ở: đường Quốc lộ Q, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn M (chết) và bà: Võ Thị C; có vợ: Nguyễn Thị K và có 01 con sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị bắt giữ ngày: 18/9/2018; tạm giữ ngày: 19/9/2018; tạm giam ngày: 27/9/2018 đến ngày 23/11/2018 được tại ngoại.

5/Lê Trung T1; sinh năm: 1989 tại Kiên Giang; nơi đăng ký HKTT: đường T, Khu vực S, Phường Y, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nơi ở: Chung cư G, số C đường K, Phường I, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm công; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn U và bà: Nguyễn Thị M; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị bắt giữ ngày: 18/9/2018; tạm giữ ngày: 19/9/2018; tạm giam ngày: 27/9/2018 đến ngày 23/11/2018 được tại ngoại.

6/Nguyễn Thị Bích D; sinh năm: 1978 tại Đồng Nai; nơi đăng ký HKTT: đường T, Phường I, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: đường V, Phường B, Quận O, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: /(vô danh) và bà: Nguyễn Thị Kim O; có chồng: Nguyễn Hà N và có 02 con (lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2006); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị bắt giữ ngày: 18/9/2018; tạm giữ ngày: 19/9/2018 đến ngày 28/9/2018 được tại ngoại.

7/Nguyễn Thị Bích L; sinh năm: 1972 tại Sài Gòn; nơi thường trú: đường H, Phường B, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T (chết) và bà: Lê Thị T; có chồng:/ và 01 con sinh năm 1998; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị bắt giữ ngày: 18/9/2018; tạm giữ ngày: 19/9/2018 đến ngày 28/9/2018 được tại ngoại.

8/Nguyễn Thị H; sinh năm: 1966 tại Sài Gòn; nơi đăng ký HKTT: đường B, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: căn hộ B, khu dân cư N, Tổ N, Khu phố I, phường A, quận B, Thành phố, Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thượng K (chết) và bà: Nguyễn Thị H (chết); có chồng: Nguyễn Văn X và 04 con (lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 2003); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 09/11/2005 bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 6 tháng tù treo, 12 tháng thử thách về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 221/2005/HSST; bị bắt giữ ngày: 18/9/2018; tạm giữ ngày: 19/9/2018 đến ngày 28/9/2018 được tại ngoại.

9/Huỳnh Thu N1; sinh năm: 1958 tại Sài Gòn; nơi thường trú: đường L, Phường I, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: ấp B, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: /(vô danh) và bà: Huỳnh Thị C (chết); có chồng: Trần Văn D và 04 con (lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1992); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị bắt giữ ngày: 18/9/2018; tạm giữ ngày: 19/9/2018; tạm giam ngày: 27/9/2018.

(Các bị cáo có mặt).

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
Bà Trần Thị N – Sinh năm: 1940 (vắng mặt).
Địa chỉ: đường S, Phường B, Quận O, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 ngày 18/9/2018, tại nhà số đường S, Phường B, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội - Công an Quận 10 kết hợp cùng Công an Phường 3, Quận 10 tiến hành bắt quả tang các đối tượng: Nguyễn Minh T, Lê Trung T, Trần Thị Thu N, Nguyễn Thị Thu C (Sòng bài thứ 1), Huỳnh Thu N1, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Bích D (Sòng bài thứ 2), tất cả đang tham gia đánh bạc với hình thức đánh bài "Tứ sắc"; đồng thời tạm giữ: 02 tấm simili dùng làm Cếu bạc, 02

bộ bài tứ sắc; từ Nguyễn Thị Bích L: 32.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6; từ Nguyễn Thị H: 13.500.000 đồng và 2.350.000 đồng (thu trên Cếu bạc); từ Nguyễn Thị Bích D: 11.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung; từ Huỳnh Thu N1: 2.300.000 đồng, 4.000.000 đồng (thu trên Cếu bạc), 01 điện thoại di động hiệu Oppo; từ Trần Thị Thu N: 8.550.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7; từ Nguyễn Thị Thu C: 8.000.000 đồng, 500.000 đồng (thu trên Cếu bạc), 01 điện thoại di động hiệu Nokia; từ: Nguyễn Minh T 8.000.000 đồng, 3.050.000 đồng (thu trên Cếu bạc); từ Lê Trung T: 12.000.000 đồng, 2.630.000 đồng (thu trên Cếu bạc). Vụ việc được Công an Phường 3, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Thị Kim C sinh sống tại nhà đường S, Phường B, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh số 41/2 (lầu 1) đường Sư Vạn Hạnh, Phường 3, Quận 10 cùng mẹ ruột là bà Trần Thị N. Do bản thân là người khuyết tật (bị mù một mắt trái) và không có việc làm, nên C rủ con bạc đến nhà mình đánh bài tứ sắc để lấy tiền xâu. Lúc 12 giờ 00 ngày 18/9/2018, các con bạc gồm Nguyễn Minh T, Lê Trung T, Trần Thị Thu N, Nguyễn Thị Thu C, Huỳnh Thu N1, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Bích D đến nhà của C để đánh bạc:

- Sòng bài thứ nhất gồm: Nguyễn Minh T, Lê Trung T, Trần Thị Thu N, Nguyễn Thị Thu C, đánh một "chến" 3.000.000 đồng (tức là 01 người bỏ ra 3.000.000 đồng) và chơi cho đến khi "đứt chến" (tức là 1 trong 4 người thua hết 3.000.000 đồng). Lúc này, C sẽ thu tiền xâu 100.000 đồng/người. Tuy nhiên, C chưa thu tiền thì bị bắt. Ngày 18/9/2018, Nguyễn Minh T đem theo 11.000.000 đồng để đánh bạc, Lê Trung T đem theo 15.000.000 đồng để đánh bạc, Trần Thị Thu N đem theo 6.300.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Thị Thu C đem theo 11.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt, lúc này T thắng 50.000 đồng, T1 thua 370.000 đồng, N thắng 2.820.000 đồng, C1 thua 2.500.000 đồng.

- Sòng bài thứ hai gồm: Huỳnh Thu N1, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Bích D, đánh một "chến" 600.000 đồng (tức là 01 người bỏ ra 600.000 đồng) và chơi cho đến khi "đứt chến" (tức là 1 trong 4 người thua hết 600.000 đồng). Lúc này, C sẽ thu tiền xâu 20.000 đồng/người. Tuy nhiên, C chưa thu tiền thì bị bắt. Ngày 18/9/2018, Huỳnh Thu N1 đem theo 4.000.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Thị Bích L đem theo 2.100.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Thị H đem theo 2.500.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Thị Bích D đem theo 3.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt, lúc này N1 và D không thắng không thua, L thắng 150.000 đồng, H thua 150.000 đồng.

Ngoài ra, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Minh T, Lê Trung T, Trần Thị Thu N, Nguyễn Thị Thu C, Huỳnh Thu N1, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Bích D đã khai nhận trước đó chứa bạc và tham gia đanh bạc tại địa chỉ nhà số 41/2 (lầu 1) đường Sư Vạn Hạnh, Phường 3, Quận 10, nhưng không nhớ rõ thời gian cụ thể và các con bạc tham gia sát phạt với nhau cũng như số tiền đánh bạc là bao nhiêu; nên không đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự về

những lần vi phạm pháp luật này cũng như truy thu số tiền thu lợi bất chính (nếu có). Nhưng kiến nghị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 tiếp tục truy xét, làm rõ, xử lý sau.

Đối với: 02 tấm simili dùng làm Cếu bạc, 02 bộ bài tứ sắc và 54.180.000, đã được tạm giữ. Riêng một số tài sản không liên quan đến vụ án như tiền, điện thoại di động; cơ quan điều tra đã trả cho các bị cáo hoặc đại diện gia đình của các bị cáo.

Đối với căn nhà số 41/2 (lầu 1) đường Sư Vạn Hạnh, Phường 3, Quận 10, qua xác minh, được biết do bà Trần Thị N (mẹ của Nguyễn Thị Kim C) là đang quản lý hợp pháp. Bà N (bệnh nằm liệt một chỗ) không biết hành vi phạm tội của C. Vì vậy, cơ quan điều tra Công an Quận 10 không xem xét xử lý đối với bà Ngọc.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Bị cáo Nguyễn Thị Kim C về tội "Gá bạc" theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị cáo Trần Thị Thu N, Nguyễn Minh T, Lê Trung T, Nguyễn Thị Thu C, Nguyễn Thị Bích D, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị H, Huỳnh Thu N1 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình giống như nội dung trong các tài liệu mà quá trình điều tra thu thập được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cùng với nhiều tình tiết giảm nhẹ khác); đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 322, khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị Kim C: 06 tháng đến 12 tháng tù.

Bị cáo Trần Thị Thu N: 40.000.000 đồng 45.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu C: 40.000.000 đồng 45.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Minh T: 40.000.000 đồng 45.000.000 đồng.

Bị cáo Lê Trung T: 40.000.000 đồng 45.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Bích D: 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Bích L: 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị H: 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Bị cáo Huỳnh Thu N1: 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của các bị cáo: chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Kim C và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Xét thấy đây là vụ án "Gá bạc và Đánh bạc". Tại cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình; qua lời khai nhận tội của các bị cáo, đối Cếu với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

- Bị cáo Nguyễn Thị Kim C thực hiện hành vi "Gá bạc".

- Các bị cáo Trần Thị Thu N, Nguyễn Minh T, Lê Trung T, Nguyễn Thị Thu C, Nguyễn Thị Bích D, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị H, Huỳnh Thu N1 thực hiện hành vi "Đánh bạc".

Xét thấy trong vụ án này, các bị cáo Trần Thị Thu N, Nguyễn Minh T, Lê Trung T, Nguyễn Thị Thu C, Nguyễn Thị Bích D, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị H, Huỳnh Thu N1 tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bạc tứ sắc (bao gồm 02 Cếu bạc: Trần Thị Thu N, Nguyễn Minh T, Lê Trung T, Nguyễn Thị Thu C và Nguyễn Thị Bích D, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị H, Huỳnh Thu N1) đây là các trường hợp "Nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau"; do đó số tiền đánh bạc đối với từng bị cáo được xác định là tổng số tiền đánh bạc mà các bị cáo trên cùng 01 Cếu bạc sử dụng vào việc đánh bạc, cụ thể:

Số tiền đánh bạc của Trần Thị Thu N, Nguyễn Minh T, Lê Trung T, Nguyễn Thị Thu C: Nguyễn Minh T (11.000.000 đồng) + Lê Trung T (15.000.000 đồng) + Trần Thị Thu N (6.300.000 đồng) + Nguyễn Thị Thu C (11.000.000 đồng) = 43.300.000 đồng.

Số tiền đánh bạc của Nguyễn Thị Bích D, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị H, Huỳnh Thu N1: Huỳnh Thu N1 (4.000.000 đồng) + Nguyễn Thị Bích L (2.100.000 đồng) + Nguyễn Thị H (2.500.000 đồng) + Nguyễn Thị Bích D (3.000.000 đồng) = 11.600.000 đồng.

Do vậy các bị cáo Trần Thị Thu N, Nguyễn Minh T, Lê Trung T, Nguyễn Thị Thu C, Nguyễn Thị Bích D, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị H, Huỳnh Thu N1 bị truy tố và xét xử về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim C có hành vi chứa bạc nhằm thu lợi bất chính với quy mô lớn (02 Cếu bạc, số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng); nên bị cáo Nguyễn Thị Kim C bị truy tố và xét xử về tội "Gá bạc" theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng do vậy cần phải đưa ra xét xử trước pháp luật tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim C do hoàn cảnh (bản thân bị mù một mắt bên trái, không có việc làm, chăm sóc mẹ già bị bệnh nằm liệt tại chỗ) nên có hành vi chứa bạc nhằm thu lợi bất chính. Do vậy cần phải đưa bị cáo ra xét xử trước pháp luật. Tuy nhiên bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bản thân là người bị khuyết tật. Hội đồng xét xử thiết nghĩ thời gian bị bắt giữ, tạm giữ, tạm giam vừa qua đã đủ để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo; do vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt và căn cứ vào Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung

hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bằng với thời gian bị bắt giữ, tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo; nhằm thể hiện sự khoan hồng đặc biệt đối với trường hợp của bị cáo. Nhưng căn cứ vào khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) phạt bổ sung bị cáo một số tiền nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với các bị cáo thuộc nhóm "Đánh bạc" gồm: Trần Thị Thu N, Nguyễn Minh T, Lê Trung T, Nguyễn Thị Thu C, Nguyễn Thị Bích D, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị H, Huỳnh Thu N1; trong đó bản thân bị cáo Trần Thị Thu N và Nguyễn Thị H có đặc điểm nhân thân, cụ thể: Trần Thị Thu N (ngày 02/01/2008 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 9 tháng tù về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 01/2008/HSST, ngày 06/01/2008 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 1 năm tù về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 06/2008/HSST), Nguyễn Thị H (ngày 09/11/2005 bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 6 tháng tù treo, 12 tháng thử thách về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 221/2005/HSST), tất cả đã được xóa án tích trên 05 năm, thậm chí có những hành vi không còn là tội phạm; nên các bị cáo Trần Thị Thu N, Nguyễn Thị H cũng được xem như là người có nhân thân tốt như các bị cáo Nguyễn Minh T, Lê Trung T, Nguyễn Thị Thu C, Nguyễn Thị Bích D, Nguyễn Thị Bích L, Huỳnh Thu N1, đồng thời số tiền đánh bạc của các bị cáo đều dưới 50.000.000 đồng thuộc khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các bị cáo sử dụng tiền thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét khoan hồng, áp dụng một trong các loại hình phạt đối với các bị cáo trên theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); đồng thời xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt (như đã nhận định trên) lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo H từng có thời gian cống hiến trong Quân đội, hoàn cảnh hiện nay phải trực tiếp chăm sóc người chồng bị tai biến nằm liệt tại chỗ, bị cáo Trần Thị Thu N bị bệnh (về tim mạch, U nhân xơ tử cung, khối u tại buồng trứng) và hoàn cảnh lại khó khăn (có xác nhận của địa phương), các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (trừ bị cáo Trần Thị Thu N và Nguyễn Thị H); vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho từng bị cáo và khoan hồng áp dụng hình phạt chính [quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)] là phạt tiền đối với các bị cáo; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Đối với 02 tấm simili dùng làm Cếu bạc, 02 bộ bài tứ sắc không đáng giá trị; vậy áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu và tiêu hủy.

Đối với khoản tiền: 54.180.000 đồng, thu giữ từ các bị cáo dùng để đánh bạc; vậy căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Thị Kim C phạm tội "Gá bạc".

Các bị cáo Trần Thị Thu N, Nguyễn Minh T, Lê Trung T, Nguyễn Thị Thu C, Nguyễn Thị Bích D, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị H, Huỳnh Thu N1 phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim C;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim C 04 (bốn) tháng 06 (sáu) ngày tù (được khấu trừ thời gian bị bắt giữ, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2018 đến ngày 24/01/2019), bị cáo Nguyễn Thị Kim C đã chấp hành xong hình phạt.

Phạt bổ sung bị cáo C 20.000.000 đồng, sung vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị Kim C, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm nào khác.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Thị Thu N;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu N 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị Thu N.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu C;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu C1 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo C1.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Minh T;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Trung T;

Xử phạt bị cáo Lê Trung T1 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T1.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích L;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích L 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích D;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích D 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị H;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Thu N1;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thu N1 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Huỳnh Thu N1.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trả tự do cho bị cáo Huỳnh Thu N1, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm nào khác.

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 54.180.000 (năm mươi bốn triệu một trăm tám mươi ngàn) đồng.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu và tiêu hủy: 02 (hai) tấm simili dùng làm Cếu bạc, 02 (hai) bộ bài tứ sắc.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/12/2018 giữa Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và C cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc: Mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- PV 06 CA TP. HCM;
- CAQ.10;
- C cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Triệu Luật